

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2020**

**MỤC LỤC**

<b>I. THÔNG TIN CHUNG .....</b>	<b>3</b>
1. Thông tin khái quát .....	3
Quá trình hình thành và phát triển : .....	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	4
4. Định hướng phát triển .....	7
5. Các rủi ro .....	7
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....</b>	<b>8</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	8
2. Tổ chức và nhân sự .....	9
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	10
4. Tình hình tài chính .....	10
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	11
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:.....	12
<b>III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>13</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	13
2. Tình hình tài chính .....	14
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	16
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	16
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán .....	17
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.....	17
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>18</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	18
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	18
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	19
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>19</b>
1. Hội đồng quản trị .....	19
2. Ban Kiểm soát (BKS).....	21
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty .....	22
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....</b>	<b>23</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP**

Địa chỉ : Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại : +84 225 3730011 Fax : +84 225 3730012 Email : vpcom@vnn.vn

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP**

**Năm báo cáo : 2020**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

<b>Tên giao dịch</b>	<b>:</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP</b>
<b>Giấy Chứng nhận ĐKDN</b>		Số 0200809454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lại lần thứ năm ngày 14/11/2020;
<b>Vốn điều lệ</b>		150.761.770.000đ;
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		150.761.770.000đ;
<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>:</b>	P. 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải phòng;
<b>Số điện thoại</b>		(84-225) 3730011;
<b>Số fax</b>	<b>:</b>	(84-225) 3730012;
<b>Email</b>		<a href="mailto:Vpcom@vnn.vn">Vpcom@vnn.vn</a> ;
<b>Website</b>	<b>:</b>	<a href="http://www.vptrans.vn">www.vptrans.vn</a> ;
<b>Mã cổ phiếu</b>	<b>:</b>	VPA.

**Quá trình hình thành và phát triển :**

- Ngày 26/12/2007 : Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex) đã phê duyệt phương án thành lập Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP do Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex (nay là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP) và Công ty cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO đồng đề xuất;
- Ngày 16/3/2008 : Công ty cổ phần vận tải Hoá dầu VP đã chính thức được thành lập tại Đại hội cổ đông sáng lập;
- Ngày 23/4/2008 : Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải phòng cấp giấy phép ĐKKD số 0203004237; đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 14/11/2020 với mã số doanh nghiệp là 0200809454;

- Năm 2009, Công ty đã ký hợp đồng tài trợ vốn với Ngân hàng PGBank và Ngân hàng Indovinabank để tài trợ vốn cho dự án đầu tư đóng mới 02 tàu chở nhựa đường lỏng trọng tải 2800 DWT. Đến ngày 15/08/2012 Công ty đã nhận bàn giao tàu chở nhựa đường lỏng VP ASPHALT 1 từ nhà máy đóng tàu Hồng Hà. Ngày 21/09/2012 tàu VP ASPHALT 1 bắt đầu thực hiện chuyến hàng đầu tiên chở nhựa đường lỏng từ Mailiao về Hải Phòng. Tháng 3/2013, Công ty tiếp tục nhận bàn giao tàu VP ASPHALT 2.

- Ngày 31/12/2015 : Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch UPCOM với mã cổ phiếu là VPA. Ngày 27/01/2016 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VPA trên sàn giao dịch UPCOM.

Đến nay, Công ty đã hoạt động được hơn 10 năm và đã tạo được thương hiệu của mình trên thị trường vận tải nhựa đường lỏng trong nước và khu vực Đông Nam Á, Nam Á.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

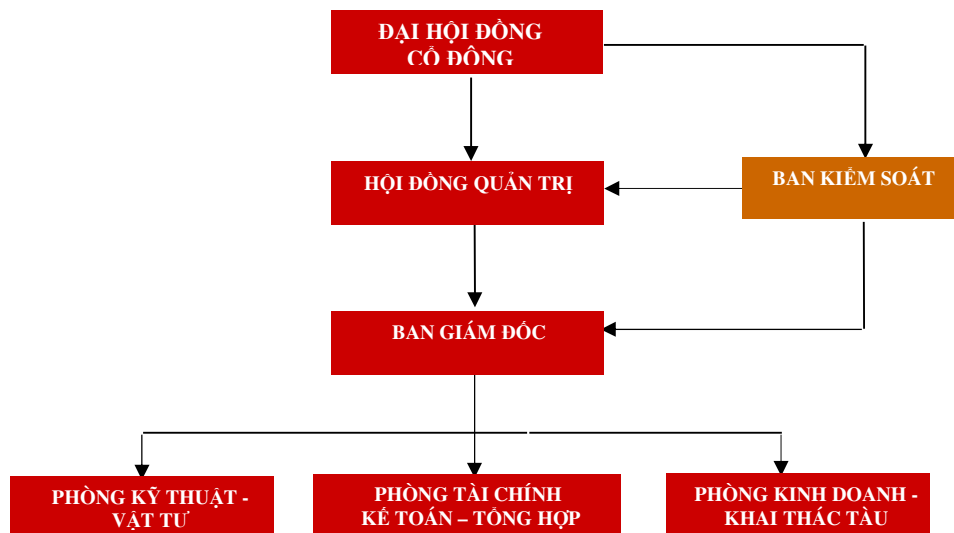
- **Ngành nghề kinh doanh** : Vận tải nhựa đường lỏng ven biển và viễn dương.

- **Địa bàn kinh doanh** : Các tuyến vận tải đường biển khu vực Đông và Đông Nam Á.

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

### **a. Mô hình quản trị**

**Sơ đồ 1 : Mô hình quản trị**



Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP đang áp dụng mô hình tổ chức và quản trị, điều hành của công ty cổ phần. Mô hình được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển kinh

doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ **Đại Hội đồng Cổ đông** : Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty;

❖ **Hội đồng quản trị** : Do ĐHĐCĐ bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành. Số lượng thành viên HĐQT là 05 (năm) người, nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Quyền hạn và nhiệm vụ chính của HĐQT :

- Quyết định kế hoạch phát triển SXKD và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, các quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ,...

❖ **Ban Kiểm soát** : Do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Số lượng thành viên BKS của Công ty là ba (03) thành viên. Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. BKS phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, GĐĐH và các CBQL khác của Công ty. BKS phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng BKS là người có chuyên môn về kế toán. BKS có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây :

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn kiểm toán độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và quý;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của GĐĐH;
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của GĐĐH.

**❖ Ban Giám đốc :**

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc (nếu có).

Ban Giám đốc điều hành các công việc của Công ty; tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty; Nhiệm kỳ của Giám đốc, Phó Giám đốc là 05 (năm) năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

**b. Cơ cấu bộ máy quản lý**

Bộ máy quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hết sức gọn nhẹ, bao gồm Ban giám đốc, Phòng Tài chính - Kế toán - Tổng hợp, Phòng Kinh doanh - Khai thác tàu và Phòng Kỹ thuật - Vật tư. Trong đó, chức năng nhiệm vụ của từng phòng như sau :

**❖ Phòng Tài chính - Kế toán tổng hợp :**

- Tài chính kế toán : Có chức năng lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của Công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tài chính của Nhà nước;
- Tổng hợp : Có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong Công ty, quản lý nhân sự, thực hiện công tác hành chính quản trị.

**❖ Phòng Kỹ thuật - Vật tư :**

- Đầu tư, quản lý kỹ thuật - vật tư, hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn của đội tàu. Đảm bảo an toàn hành hải cho đội tàu và các thủy thủ đoàn; thực hiện các thủ tục pháp chế và bảo hiểm cho tàu.

**❖ Phòng Kinh doanh - Khai thác tàu:**

- Quản lý khai thác tàu, lập kế hoạch, theo dõi thị trường, khai thác nguồn hàng để vận chuyển, điều động tàu.

Các phòng ban chịu sự quản lý và điều hành trực tiếp từ Giám đốc để thực hiện các công việc, hoạt động của Công ty.

**c. Các công ty con, công ty liên kết :**

(Công ty không có công ty con và công ty liên kết)

**4. Định hướng phát triển**

**a. Mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- Xây dựng được đội tàu vận tải hóa dầu trong nước và quốc tế, đưa Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP trở thành một thương hiệu mạnh trong ngành vận tải biển;
- Nghiên cứu, tiếp cận phát triển ngành nghề môi giới và mua bán tàu biển, trở thành nhà môi giới mua bán tàu biển uy tín trên thị trường mua bán tàu biển trong nước và khu vực.

**b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Từ năm 2021-2025 : Khai thác đội tàu sẵn có và tiếp tục tìm kiếm cơ hội để đầu tư mới những tàu chở nhựa đường tiếp theo, đồng thời mở rộng sang lĩnh vực thuê định hạn, môi giới và mua bán tàu biển.

**c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng**

- Công ty đã và đang thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), an toàn giao thông, nâng cao hiệu quả công tác ATVSLĐ và xây dựng tác phong lao động trong doanh nghiệp. Duy trì và phát triển phong trào “Xanh, sạch, đẹp, đảm bảo ATVSLĐ”. Phấn đấu không để xảy ra tai nạn lao động, giảm thiểu các bệnh nghề nghiệp, hạn chế tối đa xảy ra các sự cố an ninh hàng hải;
- Tích cực phối hợp cùng với Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức đoàn thể, xã hội khác của Công ty cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện, phong trào đền ơn, đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ Quỹ “Mái ấm công đoàn”, chăm lo giúp đỡ CBCNV, sỹ quan, thuyền viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;
- Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho CBCNV Công ty, chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước...

**5. Các rủi ro**

- Hoạt động vận tải biển chịu rất nhiều tác động từ môi trường kinh tế vĩ mô và các biến động chính trị trên thế giới. Những tranh chấp trên biển Đông cũng ảnh hưởng không nhỏ tới ngành vận tải biển nói chung và tuyến vận tải biển của Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP nói riêng
- Rủi ro từ những yếu tố thiên nhiên như thảm họa động đất, sóng thần...;
- Rủi ro từ những yếu tố do con người gây ra như chiến tranh, cướp biển,...;
- Rủi ro từ việc biến động mạnh của giá nhiên liệu
- Rủi ro về lãi suất vay ngân hàng và chênh lệch tỷ giá hối đoái.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020: Năm 2020 là một năm có nhiều biến động trên toàn thế giới, đại dịch Covid đã ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty VP nói riêng. Yêu cầu về an toàn y tế, kiểm tra, phòng chống dịch bệnh đã ảnh hưởng trực tiếp tới thời gian chờ đợi tại các cảng tàu đến và làm tăng đáng kể các chi phí liên quan đến việc thay thế thuyền viên, khử khuẩn tàu. Tuy nhiên, kết thúc năm tài chính 2020, Công ty đạt được 561 triệu đồng lợi nhuận trước thuế, vượt kế hoạch HĐQT giao. Lợi nhuận năm 2020 đạt được, ngoài yếu tố chủ quan tăng doanh thu so với kế hoạch thì 2 yếu tố khách quan cơ bản cũng đem lại con số lợi nhuận trên là:

- + Giá nhiên liệu trung bình trong năm thấp hơn so với giá lập kế hoạch;
- + Biến động tỉ giá trong năm có lợi cho công ty khoảng 7.3 tỉ đồng so với giá trị lập kế hoạch.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch và so với kết quả thực hiện năm 2019: So với kế hoạch SXKD năm 2020 được giao và kết quả thực hiện năm 2019, kết quả thực hiện 2020 tốt hơn bởi nguồn hàng ổn định hơn, giá nhiên liệu thấp.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty so với kế hoạch được giao và thực hiện năm 2019 được thể hiện cụ thể ở bảng sau:

Đơn vị tính : 1.000VNĐ.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	Tỷ lệ thực hiện (%)	
						So với KH	So với 2019
1	Số chuyến vận chuyển	Chuyến	65	70	60	108	117
2	Doanh thu	1.000 d	116.692.582	127.213.120	102.659.568	109	124



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	Tỷ lệ thực hiện (%)	
						So với KH	So với 2019
3	Giá vốn dịch vụ vận tải	1.000 đ	109.293.320	110.195.325	112.494.782	101	98
4	Lợi nhuận gộp	1.000 đ	7.399.262	17.017.794	(9.835.214)	230	
5	Hoạt động tài chính	1.000 đ	18.573.681	19.812.954	13.879.179	107	143
5.1	Doanh thu hoạt động tài chính	-		7.301.119	2.012.745		
5.2	Chi phí lãi vay	-	13.928.771	13.597.020	14.533.633	98	94
5.3	Lỗ Chênh lệch tỷ giá hối đoái		4.644.910	6.215.934	1.358.291	134	458
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.000 đ	4.055.226	3.875.159	3.464.500	96	112
7	Lợi nhuận khác	1.000 đ		-69.450			
8	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	(15.229.646)	561.349	(27.178.893)		

## **2. Tổ chức và nhân sự**

### **Ban điều hành**

- **Ông Đặng Minh Thao: Giám đốc điều hành;** Kể từ ngày 01/11/2020, Ông Đặng Minh Thao nghỉ hưởng chế độ hưu trí.
- **Ông Đỗ Minh Hồng: Phó Giám đốc phụ trách Kỹ thuật.** Ông Đỗ Minh Hồng được bổ nhiệm Giám đốc điều hành Công ty kể từ ngày 01/11/2020 thay thế ông Đặng Minh Thao.

### **Trưởng phòng Tài chính - Kế toán – Tổng hợp:**

- **Bà Vũ Thị Mai.**

#### **a. Ông Đặng Minh Thao**

- Ông Đặng Minh Thao sinh ngày 29/10/1960, tốt nghiệp trường Đại học Hàng Hải Việt Nam chuyên ngành máy tàu thủy niên khóa 1977-1982. Ông Đặng Minh Thao có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải biển và hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty mà Ông Đặng Minh Thao đang nắm giữ là 5.000 cổ phần (tương đương 0.0332% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty).

#### **b. Ông Đỗ Minh Hồng**

- Ông Đỗ Minh Hồng sinh ngày 19/11/1980, tốt nghiệp trường Đại học Hàng Hải Việt Nam chuyên ngành vỏ tàu thủy, niên khóa 1998-2003. Số lượng cổ phần có quyền biểu

quyết của Công ty mà Ông Đỗ Minh Hồng đang nắm giữ là 3.000 cổ phần (tương đương 0.0198% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty).

**c. Bà Vũ Thị Mai**

- Bà Vũ Thị Mai sinh ngày 23/01/1979, tốt nghiệp Học viện Tài chính Kế toán chuyên ngành tài chính kế toán, niên khóa 1996-2000; tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Tổ chức và Quản lý vận tải của Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam khóa năm 2004-2007. Bà Vũ Thị Mai đã có trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán tài chính và đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tài chính - Kế toán - Tổng hợp của công ty ngay từ khi Công ty thành lập. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty mà bà Vũ Thị Mai đang nắm giữ là 3.000 cổ phần (tương đương 0.0198% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty);

**Cán bộ nhân viên trong Công ty:**

Tổng số lao động trong Công ty đến ngày 31/12/2020 là 07 người bao gồm cả Ban điều hành.

- Phòng Tài chính Kế toán tổng hợp gồm 3 người: một trưởng phòng và 2 kế toán viên;
- Phòng Kỹ thuật - Vật tư chỉ có một chuyên viên phụ trách;
- Phòng Kinh doanh - Khai thác tàu gồm một trưởng phòng và một chuyên viên;
- Các chính sách đối với người lao động : Dưới sự điều chỉnh của các bộ luật và các Quy chế hoạt động trong Công ty, Người lao động trong Công ty luôn luôn được hưởng chế độ đãi ngộ theo qui định của pháp luật hiện hành và điều kiện của công ty.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- Năm 2020: Công ty vẫn tập trung khai thác 2 tàu chở nhựa đường lỏng VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 và chưa có hoạt động đầu tư mở rộng hoặc đầu tư vào lĩnh vực khác.

**4. Tình hình tài chính**

**a. Tình hình tài chính**

Đơn vị tính : VNĐ

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Chênh lệch giữa năm 2020 và 2019</b>
Tổng giá trị tài sản	400.664.918.776	376.706.670.646	(23.958.248.130)
Doanh thu thuần	102.659.568.337	127.213.120.653	24.553.552.316
Lợi nhuận từ hoạt động KD	(27.178.893.700)	630.799.946	27.809.693.646
Lợi nhuận khác		(69.450.000)	(69.450.000)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(27.178.893.700)	561.349.946	27.740.243.646
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.803)	37	1.840

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Ghi chú</b>
<u>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán :</u>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0.523	0.622	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.176	0.225	
<u>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn :</u>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.820	0.81	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4.562	4.211	
<u>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động :</u>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	13.486	16.318	
+ Vòng quay tổng tài sản	0.256	0.338	
<u>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời :</u>			
+ Hệ số LNST/DTT		0.004	
+ Hệ số LNST/ VCSH		0.007	
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản		0.001	
+ Hệ số LN từ HĐKD/DTT		0.134	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a. Cổ phần :**

- Tổng số cổ phần : 15.076.177 cổ phần;
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá : 10.000 đồng.

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 15.076.177 cổ phần

**b. Cơ cấu cổ đông :**

Công ty cổ phần vận tải Hoá dầu VP được thành lập dựa trên vốn góp của hai cổ đông lớn là Công ty cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO (VIPCO) và Công ty cổ phần Hoá dầu Petrolimex (PLC) (nay là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP). cùng với các cổ đông cá nhân khác là các cán bộ công nhân viên của hai Công ty trên. Cơ cấu cổ đông của Công ty bao gồm :

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>1</b>	<b>Cổ đông tổ chức</b>	<b>13.400.000</b>	<b>88.88</b>
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	13.400.000	88.88
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	0	0
<b>2</b>	<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>1.676.177</b>	<b>11.12</b>
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	1.676.177	11.12
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15.076.177</b>	<b>100</b>

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu :**

Trong năm 2020 không thay đổi;

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ :**

Trong năm 2020 không có giao dịch cổ phiếu quỹ;

**e. Các chứng khoán khác :**

Công ty không có chứng khoán khác

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu -Tiêu thụ năng lượng**

Sản phẩm chính của Công ty là dịch vụ vận tải biển nên nguồn nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là nhiên liệu, bao gồm dầu diesel (DO) và mazút (HFO). Từ năm 2019, do chính quyền Trung Quốc và Đài Loan cấm sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh cao khi tàu vào vùng nước của họ nên Công ty phải sử dụng loại nhiên liệu LSFO (là loại nhiên liệu sạch có hàm lượng lưu huỳnh thấp nhưng chi phí cao). Trong năm, cả hai tàu VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 khai thác được 70 chuyến hàng, tiêu thụ 693 tấn dầu DO và 3.247 tấn dầu LSFO. Công ty

luôn thực hiện tốt việc sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thay thế các phụ tùng cần thiết trên tàu nhằm tiết giảm tối đa lượng nhiên liệu tiêu thụ, nâng cao hiệu quả kinh doanh đồng thời thể hiện trách nhiệm đối với môi trường và xã hội.

### **6.3. Tiêu thụ nước**

Trong hoạt động quản lý và khai thác tàu: lượng nước tiêu thụ của Công ty chủ yếu phục vụ sinh hoạt hàng ngày của thuyền viên trên hai tàu, không phát sinh nước thải công nghiệp. Việc xả thải sinh hoạt luôn chấp hành đúng quy định của pháp luật Việt Nam và các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường

### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty luôn thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường. xem công tác bảo vệ môi trường là mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp. Là doanh nghiệp vận tải biển hoạt động trên tuyến Quốc tế - Công ty tuân thủ tuyệt đối các qui định về kiểm soát xả thải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển của Nhà nước và quốc tế.

### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

Bộ máy làm việc của Công ty rất gọn nhẹ, Công ty chỉ có 8 lao động bao gồm 2 thành viên Ban điều hành, 2 Trưởng phòng nghiệp vụ và 4 nhân viên. Từ 01/11/2020, số lao động của Công ty còn 07 người. Người lao động có thu nhập từ tiền lương cố định chi trả hàng tháng và tiền lương theo đơn giá (phụ thuộc vào doanh thu của Công ty). Mức lương trung bình đối với người lao động là 20 trđ/người/tháng.

### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Năm 2020, dù đã rất nỗ lực trong công tác điều hành, khai thác tàu nhưng lũy kế LNST của Công ty vẫn âm nên Công ty chưa thực hiện được nghĩa vụ với ngân sách nhà nước nhưng vẫn đảm bảo được thu nhập cho người lao động của Công ty và đội ngũ thuyền viên làm việc trên các tàu của Công ty. Với nguồn hàng vận chuyển là nhựa đường lỏng, Công ty chỉ có thể nỗ lực trong khâu vận chuyển, hâm hàng và bảo quản đảm bảo đưa được mặt hàng nhựa đường tốt về phục vụ cho công việc xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng tại đất nước.

### **6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh**

Trong năm qua Công ty không tham gia vào thị trường vốn xanh.

## **III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch:**

Năm 2020 vẫn là năm khó khăn với công ty VP, cơ cấu dòng hàng có sự thay đổi liên tục, do đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, năm 2020, Công ty đã đạt được những kết quả khá khả quan, cụ thể:

- Số chuyến vận tải trong năm đạt: 70 chuyến, tăng 7% so với kế hoạch;
- Doanh thu trong năm đạt: 127,2 tỉ đồng, tăng 10% so với kế hoạch;
- Tổng sản lượng chuyên chở trong năm đạt: 157.522 tấn, tăng 5% so với kế hoạch;
- Lợi nhuận gộp đạt 17,07 tỉ đồng.

Kết quả đạt được như trên ngoài sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên công ty thì những tác động khách quan như giá nhiên liệu, biến động tỉ giá là 2 nguyên nhân chính dẫn đến kết quả này.

**Những tiến bộ Công ty đã đạt được**

Thành lập từ tháng 3/2008, là một doanh nghiệp hoàn toàn mới và tiếp nhận dự án đóng tàu từ Ban dự án của hai cổ đông sáng lập là VIPCO và PLC. Đến nay Công ty đang vận hành với bộ máy quản lý gồm các phòng ban chuyên trách, xây dựng được các quy chế, quy trình hoạt động trong Công ty. Công ty đã hoàn thành đóng mới và đưa vào khai thác 02 tàu chở nhựa đường lỏng, trọng tải 2.800 DWT từ cuối năm 2012 và đầu năm 2013 với chất lượng tốt, được khách hàng (người thuê tàu) trong khu vực Đông Nam Á tín nhiệm và tin dùng

**2. Tình hình tài chính**

**a. Tình hình tài sản**

- Tài sản ngắn hạn của Công ty không có nhiều biến động. Công ty không có các khoản nợ phải thu khó đòi, các khách hàng thuê tàu đều thanh toán cước đúng hạn. Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản ngắn hạn chủ yếu là nguyên vật liệu bao gồm nhiên liệu tồn vào thời điểm cuối năm và vật tư phụ tùng phục vụ bảo quản bảo dưỡng trên các tàu.

- Tài sản dài hạn có biến động giảm ở chỉ tiêu Tài sản cố định hữu hình, chi tiết như sau:

**6 . Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, Vận tải	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu kỳ	894.265.853	561.422.160.936	562.316.426.789
Số tăng trong kỳ			
Số giảm trong kỳ			
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>894.265.853</b>	<b>561.422.160.936</b>	<b>562.316.426.789</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu kỳ	894.265.853	174.355.124.616	175.249.390.469
Số khấu hao trong kỳ		25.940.752.518	25.940.752.518
Số giảm trong kỳ			
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>894.265.853</b>	<b>200.295.877.134</b>	<b>201.190.142.987</b>
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu kỳ		387.067.036.320	387.067.036.320
Tại ngày cuối kỳ	-	<b>361.126.283.802</b>	<b>361.126.283.802</b>

**a. Tình hình nợ phải trả**

**Công nợ phải trả:** theo Bảng kê chi tiết dưới đây

Diễn giải	ĐVT	Số dư cuối kỳ tại ngày 31/12/2020	Số dư đầu kỳ tại ngày 01/01/2020
Dư nợ của Ngân hàng (Vay vốn đầu tư dự án):	USD	11.617.945.72	13.117.945.72
Dự nợ vay vốn lưu động:	VND		0
Dư nợ các Nhà cung cấp	VND	5.738.968.771	9.129.737.634

Khoản vay dài hạn: Số dư nợ khoản vay dài hạn theo Hợp đồng số 06/2010/VP/HĐTDDH ngày 09/09/2010 (vay vốn đầu tư 02 tàu VP ASPHALT 1 và VPASPHALT 2) tại thời điểm 01/01/2020 là: **13.117.945.72 USD**; và tại thời điểm 31/12/2020 là: **11.617.945.72 USD**. Trong năm Công ty đã thực hiện chi trả số tiền nợ gốc là 1.500.000 USD.

**Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá, lãi vay đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Biến động tỉ giá trong năm 2020 có lợi nhiều cho công ty, doanh thu hoạt động tài chính đạt 7.3 tỉ đồng.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Năm 2020, Công ty không có thay đổi về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

#### **a. Triển vọng**

Việc đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đặc biệt là mạng lưới giao thông đường bộ là một trong những khâu then chốt, gắn liền với sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Khu vực Nam Á và Đông Nam Á được đánh giá là thị trường năng động, đang phát triển và có tỷ lệ tăng trưởng trung bình hàng năm khá cao. Các nước có hệ thống giao thông đường bộ chưa hoàn thiện như Việt Nam, Philippine, Campuchia, Lào, Myanmar, Indonesia... sẽ còn phải tiếp tục hoàn thiện và sẽ nhập khẩu nhựa đường từ các quốc gia có ngành công nghiệp chung cất dầu mỏ (sản xuất được nhựa đường) như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Đài Loan... Nhu cầu sử dụng nhựa đường hàng năm cũng luôn tồn tại cả với các quốc gia đã có hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn thiện nhằm mục đích duy tu, bảo dưỡng. Do vậy, luôn luôn tồn tại nhu cầu vận chuyển sản phẩm này giữa các vùng miền, lãnh thổ, thậm chí ngay cả đối với các quốc gia sản xuất được nhựa đường nhưng có vùng lãnh thổ rộng lớn như Trung Quốc, Indonesia.

Hiện nay, các kho bể chứa nhựa đường lỏng phát triển nhanh chóng cả về quy mô lẫn số lượng nên những con tàu trọng tải lớn sẽ có nhiều lợi thế vận chuyển do có giá cước cạnh tranh. Đây là cơ sở để công ty nghiên cứu, đánh giá thị trường – lựa chọn qui mô đầu tư phát triển trong tương lai.

#### **b. Kế hoạch trong tương lai**

- Với mục tiêu là Nhà vận tải nhựa đường lỏng chuyên nghiệp, kết hợp với phát triển ngành nghề môi giới và mua bán tàu biển; với kinh nghiệm có được từ thực tế khai thác hai con tàu VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 từ 2013, Công ty có thể tiếp tục đầu tư các loại tàu mới đáp ứng đủ nhu cầu vận chuyển cho các công ty nhập khẩu nhựa đường, hóa chất, sản phẩm hóa dầu trong nước và mở rộng thị trường vận tải nhựa đường ra khu vực Đông Nam Á, Nam Á;
- Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 : Trên cơ sở đội tàu hiện có kết hợp với nghiên cứu thị trường tàu trong khu vực, Công ty sẽ nghiên cứu để triển khai đầu tư tàu chở nhựa



đường với trọng tải lớn hơn (từ 4.000 DWT-5.000 DWT) đồng thời phát triển dịch vụ thuê định hạn, môi giới, logistic và mua bán tàu biển.

### **5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã chấp thuận toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty năm 2020.

### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

#### **a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường :**

Với ý thức bảo vệ môi trường, Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Công ty đã triển khai áp dụng nhiều giải pháp, trong đó tập trung vào Đội tàu chở nhựa đường như :

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật tàu, tiến hành bảo trì bảo dưỡng và thay thế các thiết bị đúng thời hạn được khuyến cáo nhằm đảm bảo vận chuyển hàng hóa tuyệt đối an toàn, tiết giảm tối đa lượng nhiên liệu tiêu thụ và hạn chế xả thải ra môi trường;
  - Tuân thủ tuyệt đối các quy định của Công ước quốc tế và các quy định của chính quyền các cảng mà tàu neo/đậu về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường biển do tàu gây ra.
- Với các giải pháp được triển khai, Công ty đã góp một phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

#### **b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động :**

Công ty hoạt động với bộ máy quản lý điều hành rất gọn nhẹ, đầu năm tổng số lao động trong Công ty là 8 người bao gồm cả Ban Giám đốc, cuối năm, số lao động trong Công ty chỉ còn 07 người do HĐQT đã bổ nhiệm Phó giám đốc Đỗ Minh Hồng lên đảm nhiệm chức danh Giám đốc điều hành thay Ông Đặng Minh Thao nghỉ hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/11/2020. Ban giám đốc vẫn đánh giá rất cao những nỗ lực của tập thể người lao động trong Công ty. Các Cán bộ nhân viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, luôn đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau trong Công việc. Ban giám đốc kỳ vọng kết quả kinh doanh sẽ khả quan hơn vào những năm tiếp theo để thu nhập của người lao động được tốt hơn, xứng đáng với công sức và tâm huyết người lao động đã đặt vào Công ty.

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

Tham gia đầy đủ với trách nhiệm cao và hoàn thành tốt mọi hoạt động đoàn thể, xã hội như phong trào Đền ơn đáp nghĩa, Xóa đói giảm nghèo, đóng góp ủng hộ các địa phương chịu ảnh hưởng của thiên tai, các đợt sinh hoạt văn nghệ, thể thao quần chúng thông qua tổ chức Đoàn thanh niên và Công đoàn công ty VIPCO.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty luôn xác định và đặt nhiệm vụ phát triển bền vững lên hàng đầu. Công ty luôn tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng và đúng hạn, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng, bảo đảm chất lượng dịch vụ vận tải.

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2020, Công ty đã đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khá khả quan với lợi nhuận sau thuế không âm, vượt chỉ tiêu kế hoạch được Hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao. Hoạt động chủ yếu của Công ty là khai thác 2 tàu vận tải nhựa đường lỏng, trong quá trình khai thác Công ty luôn tuân thủ các quy định về đảm bảo môi trường biển, đảm bảo an toàn cho thuyền viên, chấp hành nghiêm các quy định về phòng chống Covid-19 tại các cảng xếp và dỡ hàng.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

Bên cạnh việc giao các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, HĐQT cũng thường xuyên giám sát, hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để Ban điều hành chủ động trong công việc. Từ tháng 11/2020, Ban điều hành của Công ty chỉ gồm 01 Giám đốc nhưng Ban điều hành vẫn nỗ lực trong công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Qua một năm làm việc, HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Ban Giám đốc Công ty như sau:

- Giám đốc đã phân công rõ ràng công việc, nhiệm vụ cho các phòng, định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban đánh giá kết quả thực hiện trong tuần qua và kế hoạch làm việc cho tuần tiếp theo;

- Theo dõi sát sao, kiểm tra rà soát, tiết giảm tối đa các chi phí hoạt động; Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị, đảm bảo tàu luôn trong tình trạng kỹ thuật tốt, sẵn sàng làm nhiệm vụ; hành hải an toàn;
- Giám đốc điều hành thực hiện quy trình báo cáo, cung cấp thông tin tới HĐQT định kỳ hàng quý/năm và khi cần thiết đề xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT kịp thời;
- Với hoạt động khai thác và cho thuê tàu: Giám đốc điều hành đã chủ động trong việc tìm kiếm nguồn hàng vận chuyển, hoàn thành những hợp đồng đã ký kết, không để xảy ra chậm thanh toán cước hoặc những rủi ro, tranh chấp hợp đồng vận chuyển;

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Nghiên cứu đề xuất với các cổ đông phương án cơ cấu lại trọng tải của đội tàu hiện nay theo hướng phù hợp với sự tăng trưởng về sản lượng và khả năng tiếp nhận của các kho bể đầu mối trên thị trường. Tiếp tục nghiên cứu, chọn thời điểm phù hợp để triển khai dự án đầu tư tàu chở nhựa đường lỏng trọng tải đến 5.000 DWT; Tìm đối tác góp vốn đầu tư và triển khai các công việc nhằm đầu tư phát triển Công ty;
- Nắm bắt kịp thời tình hình kinh tế, những chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ Việt Nam và các nước trong khu vực để điều chỉnh, bổ sung kịp thời công tác quản lý, điều hành;
- Quan tâm, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, quyền lợi và thu nhập chính đáng của người lao động trong Công ty;
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, qui chế quản trị Công ty, đồng thời tiếp tục rà soát Điều lệ, các qui chế quản lý để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với luật pháp và các qui định của nhà nước.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHCĐ.

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 29/06/2020, HĐQT Công ty gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 29/06/2020, ĐHCĐ đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty trong đó số thành viên HĐQT được thông qua là 05 thành viên.

#### **Thông tin về Các thành viên Hội đồng quản trị**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Hữu Thành	Chủ tịch HĐQT	0	15/05/2018	
2	Lê Quang Tuấn	T.viên HĐQT không điều hành	0.0378	29/06/2020	
3	Nguyễn Quang Minh	T.viên HĐQT không điều hành	0.032	29/06/2020	
4	Đỗ Minh Hồng	Thành viên HĐQT tham gia điều hành	0.0198	29/06/2020	
5	Đinh Việt Hải	T.viên HĐQT không điều hành	0.009	29/06/2020	
6	Đặng Minh Thao	Thành viên HĐQT tham gia điều hành	0.0332		29/06/2020
7	Nguyễn Chiến Thắng	T.viên HĐQT không điều hành	0.0378		29/06/2020

**b. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

**❖ Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên**

Năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 để báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua các nội dung thường niên, thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty và bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT, thay thế 02 thành viên HĐQT.

**❖ Họp Hội đồng quản trị**

Trong năm 2020, HĐQT Công ty VP đã tổ chức 06 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên HĐQT và BKS Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến chỉ đạo tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2020 theo phê duyệt của ĐHCĐ;

chỉ đạo triển khai các biện pháp cắt giảm lỗ, lập các phương án tháo gỡ khó khăn của Công ty VP trong giai đoạn hiện tại...

Ngoài các phiên họp HĐQT trên, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020;

HĐQT cũng đã chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2020.

## **2. Ban Kiểm soát (BKS)**

BKS là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra, BKS hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. BKS có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, BKS của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra. Nhiệm kỳ của BKS là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

### **❖ Các thành viên Ban Kiểm soát:**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ cổ phần</b>
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Hảo	Trưởng Ban	15/05/2018	1.620	0.0107
2	Bà Trần Thị Kim Tuyến	Ủy viên	15/05/2018	0	0
3	Ông Nguyễn Đức Nhật	Ủy viên	15/05/2018	1.520	0.01

### **Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020**

Trong năm 2020. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong công tác quản lý;
- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty;

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động... của Công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên.
- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự họp tất cả các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty**

#### **Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát**

- Các thành viên HĐQT và BKS được hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ngoài ra, các thành viên HĐQT và BKS được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, tiếp khách và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được khen thưởng về những thành tích đóng góp của mình cho sự phát triển của Công ty;
- Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và tạm ứng thù lao HĐQT và BKS năm 2020 với tổng số tiền là 469.995.600 đồng.
- Lương, thưởng, thù lao của Ban Giám đốc (Giám đốc và Phó Giám đốc) kiêm nhiệm thành viên HĐQT Công ty trong năm 2020 là 700.822.017 đ.

#### **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

Không có

#### **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ**

Không có



## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán

Kính gửi: *Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP*

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**



*Trần Thị Chúc*

**Lưu Quốc Thái**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0155-2018-126-1  
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2021

**Trần Thị Chúc**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3278-2020-126-1

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>10.590.941.331</b>	<b>12.578.837.923</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>1.555.004.072</b>	<b>2.267.036.379</b>
111	1. Tiền	1	1.555.004.072	2.267.036.379
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu</b>		<b>1.496.957.692</b>	<b>555.110.954</b>
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.263.653.191	338.977.922
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	2	233.304.501	216.133.032
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>3</b>	<b>6.753.027.559</b>	<b>8.341.415.236</b>
141	1. Hàng tồn kho		6.753.027.559	8.341.415.236
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>785.952.008</b>	<b>1.415.275.354</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	4	449.723.683	467.083.693
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		331.028.973	942.992.309
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	5	5.199.352	5.199.352
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>366.115.729.315</b>	<b>388.086.080.853</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>81.730.578</b>	<b>81.730.578</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	2	81.730.578	81.730.578
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>361.126.283.802</b>	<b>387.067.036.320</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	361.126.283.802	387.067.036.320
222	- Nguyên giá		562.316.426.789	562.316.426.789
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(201.190.142.987)	(175.249.390.469)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.907.714.935</b>	<b>937.313.955</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	4	4.907.714.935	937.313.955
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>376.706.670.646</b>	<b>400.664.918.776</b>



Trần Thị Nga  
Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2021



Vũ Thị Mai  
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Hồng  
Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	1	127.213.120.653	102.659.568.337
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và CCDV		127.213.120.653	102.659.568.337
11	4. Giá vốn hàng bán	2	110.195.325.908	112.494.782.502
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV		17.017.794.745	(9.835.214.165)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	3	7.301.119.539	2.012.745.489
22	7. Chi phí tài chính	4	19.812.954.842	15.891.924.501
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		13.597.020.595	14.533.633.161
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5	3.875.159.496	3.464.500.523
30	10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD		630.799.946	(27.178.893.700)
31	11. Thu nhập khác	6	1.019.823.027	
32	12. Chi phí khác	7	1.089.273.027	
40	13. Lợi nhuận khác		(69.450.000)	
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		561.349.946	(27.178.893.700)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>561.349.946</u>	<u>(27.178.893.700)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8	37	(1.803)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		37	(1.803)

 <hr/> <p><b>Trần Thị Nga</b>          Người lập biểu          Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2021</p>	 <hr/> <p><b>Vũ Thị Mai</b>          Kế toán trưởng</p>	  <hr/> <p><b>Đỗ Minh Hồng</b>          Giám đốc</p>
---	---	---

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>561.349.946</b>	<b>(27.178.893.700)</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
02	- Khấu hao TSCĐ	25.940.752.518	25.897.209.482
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(515.752.447)	(436.792.167)
06	- Chi phí lãi vay	13.597.020.595	14.533.633.161
08	<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi VLD</b>	<b>39.583.370.612</b>	<b>12.815.156.776</b>
09	- Tăng giảm các khoản phải thu	(325.308.812)	498.702.750
10	- Tăng giảm hàng tồn kho	1.588.387.677	370.766.913
11	- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(2.251.109.686)	(4.067.068.278)
12	- Tăng giảm chi phí trả trước	(3.953.040.970)	2.601.910.224
13	- Tiền lãi vay đã trả		(705.489.291)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.021.863.177	2.591.929
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.717.508.777)	(308.398.203)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>33.946.653.221</b>	<b>11.208.172.820</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.778.720.165
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay	(34.717.800.000)	(13.699.050.198)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(34.717.800.000)</b>	<b>(9.920.330.033)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(771.146.779)</b>	<b>1.287.842.787</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>2.267.036.379</b>	<b>980.703.387</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	59.114.472	(1.509.795)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>1.555.004.072</b>	<b>2.267.036.379</b>

  
 Trần Thị Nga  
 Người lập biểu  
 Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2021

  
 Vũ Thị Mai  
 Kế toán trưởng

  
 Đỗ Minh Hồng  
 Giám đốc



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2020*

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200809454, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 14 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.761.770.000 đồng.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh dịch vụ vận tải biển**

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Buôn bán xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Từ 01/01 đến 31/12**

### **II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

#### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: là đồng Việt Nam (VND).**

### **III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung TT200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

#### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

##### **1. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền**

- a) Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- b) Trường hợp không xác định được lãi suất theo điểm a nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất doanh nghiệp có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng khế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

##### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu xác định được giá trị hợp lý là giá thị trường; hoặc dự phòng tổn thất khoản vốn đầu tư được lập khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế tại thời điểm lập dự phòng (nếu không xác định được giá trị hợp lý).

##### **4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Tiêu chí phân loại các khoản phải thu:

- + Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản....
- + Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- + Phải thu khác là các khoản phải thu còn lại không được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ;
- + Khoản cho vay được phân loại là khoản phải thu khi lập BCTC.

Khoản phải thu của khách hàng được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải thu có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (*dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh*) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là tài sản ngắn hạn; các khoản phải thu còn lại không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại là dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải thu được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Nợ phải thu không được ghi nhận cao hơn giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

##### **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập BCTC là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

## **6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Máy móc, thiết bị	02 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 - 22 năm

Thời gian khấu hao của 02 tàu VP1 và VP2 đã được Bộ tài chính phê duyệt theo Văn bản số 9426/BTC-TCDN ngày 13/07/2015. Theo đó, công ty thực hiện trích khấu hao đối với 02 tàu VP1 và VP2 với thời gian là 22 năm.

## **7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- + Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- + Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- + Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (*dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh*) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

## **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

## **10. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

### ***a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ

### ***b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.



## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### ***a) Doanh thu bán hàng:***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

### ***b) Doanh thu cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### ***c) Doanh thu hoạt động tài chính:***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### ***d) Thu nhập khác:***

Thu nhập khác là các khoản làm tăng lợi ích của Công ty ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, như: thu thanh lý tài sản, khoản tiền thưởng từ khách hàng (không ghi tăng doanh thu) tiền bảo hiểm...

## **13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

## **14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ của Công ty như: chi phí chào hàng, quảng cáo, giới thiệu, trưng bày sản phẩm, bảo hành, bảo quản đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty,...

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1 . Tiền	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
Tiền mặt	155.493.480		112.328.844	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.399.510.592		2.154.707.535	
<b>Cộng</b>	<b>1.555.004.072</b>		<b>2.267.036.379</b>	

2 . Phải thu khác	31/12/2020				01/01/2020			
	VND		VND		VND		VND	
<i>a) Ngắn hạn</i>	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	216.516.019		127.687.019		127.687.019		127.687.019	
Tạm chi thù lao HĐQT	16.532.400		88.059.600		88.059.600		88.059.600	
Các khoản phải thu khác	256.082		386.413		386.413		386.413	
<b>Cộng</b>	<b>233.304.501</b>		<b>216.133.032</b>		<b>216.133.032</b>		<b>216.133.032</b>	
<i>b) Dài hạn</i>								
Ký cược tiền thuê văn phòng	69.730.578		69.730.578		69.730.578		69.730.578	
Ký cược dài hạn khác	12.000.000		12.000.000		12.000.000		12.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>81.730.578</b>		<b>81.730.578</b>		<b>81.730.578</b>		<b>81.730.578</b>	

3 . Hàng tồn kho	31/12/2020				01/01/2020			
	VND		VND		VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	6.356.392.899		7.959.413.446		7.959.413.446		7.959.413.446	
Công cụ, dụng cụ	29.840.000		36.735.000		36.735.000		36.735.000	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	366.794.660		345.266.790		345.266.790		345.266.790	
<b>Cộng</b>	<b>6.753.027.559</b>		<b>8.341.415.236</b>		<b>8.341.415.236</b>		<b>8.341.415.236</b>	



4 . Chi phí trả trước	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Chi phí bảo hiểm	449.723.683	467.083.693
<b>Cộng</b>	<b>449.723.683</b>	<b>467.083.693</b>
<i>b) Dài hạn</i>		
Chi phí sửa chữa lớn tàu	4.907.714.935	937.313.955
<b>Cộng</b>	<b>4.907.714.935</b>	<b>937.313.955</b>

**5 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		7.133.370	7.133.370	
Thuế Xuất khẩu		144.845	144.845	
Thuế TNCN	8.700.000	60.364.637	47.064.637	22.000.000
Thuế khác		3.000.000	3.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>8.700.000</b>	<b>70.642.852</b>	<b>57.342.852</b>	<b>22.000.000</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế TNDN	5.199.352			5.199.352
<b>Cộng</b>	<b>5.199.352</b>		<b>-</b>	<b>5.199.352</b>

*Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.*

**6 . Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, Vận tải	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu kỳ	894.265.853	561.422.160.936	562.316.426.789
Số tăng trong kỳ			
Số giảm trong kỳ			
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>894.265.853</b>	<b>561.422.160.936</b>	<b>562.316.426.789</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu kỳ	894.265.853	174.355.124.616	175.249.390.469
Số khấu hao trong kỳ		25.940.752.518	25.940.752.518
Số giảm trong kỳ			
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>894.265.853</b>	<b>200.295.877.134</b>	<b>201.190.142.987</b>

**Giá trị còn lại**

Tại ngày đầu kỳ		387.067.036.320	387.067.036.320
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>361.126.283.802</b>	<b>361.126.283.802</b>

Giá trị còn lại của Tài sản cố định tại ngày 31/12/2020 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 361.126.283.802 đồng (tại ngày 01/01/2020 là 387.067.036.320 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 với giá trị là 1.933.575.324 đồng (tại ngày 01/01/2020 là 1.933.575.324 đồng).

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>7 . Phải trả người bán</b>				
VND				
<b>a) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH VIPCO Hạ Long	4.105.356.206	4.105.356.206	5.264.888.636	5.264.888.636
Công ty CP Vận tải xăng dầu VIPCO	110.000.000	110.000.000	110.000.000	110.000.000
Công ty TNHH Thuyền viên VIPCO	931.598.668	931.598.668	919.493.080	919.493.080
<b>b) Phải trả các đối tượng khác</b>				
COCKETT MARINE OIL (ASIA)		-	605.680.232	605.680.232
BUNKERS MARINE PTE LTD		-	1.328.909.857	1.328.909.857
Các đối tượng khác	592.013.897	592.013.897	900.765.829	900.765.829
<b>Cộng</b>	<b>5.738.968.771</b>	<b>5.738.968.771</b>	<b>9.129.737.634</b>	<b>9.129.737.634</b>

	31/12/2020		01/01/2020	
<b>8 . Chi phí phải trả</b>				
VND				
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Chi phí cảng		1.400.000.000		130.000.000
Chi phí lãi vay		9.268.000.000		13.985.636.872
Chi phí bảo hiểm		48.407.288		49.364.671
Chi phí nhiên liệu		229.319.315		242.706.280
Chi phí phải trả khác		20.467.613		13.576.726
<b>Cộng</b>		<b>10.966.194.216</b>		<b>14.421.284.549</b>

<b>b) Dài hạn</b>				
Chi phí lãi vay		18.195.107.900		

	31/12/2020		01/01/2020	
<b>9 . Phải trả khác</b>				
VND				
Kinh phí công đoàn		8.161.542		84.207.680
Cổ tức phải trả		95.010.000		95.010.000
<b>Cộng</b>		<b>103.171.542</b>		<b>179.217.680</b>

**10 . Vay và nợ thuê tài chính (Chi tiết tại phụ lục 01)**

**11 . Vốn chủ sở hữu**

**11.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục 02)**

**11.2. Chi tiết vốn đầu tư của vốn chủ sở hữu**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ (%)
Công ty CP Vận tải xăng dầu VIPCO	68.000.000.000	45%	68.000.000.000	45%
TCT hóa dầu Petrolimex	66.000.000.000	44%	66.000.000.000	44%
Vốn góp của đối tượng khác	16.761.770.000	11%	16.761.770.000	11%
<b>Cộng</b>	<b>150.761.770.000</b>	<b>100%</b>	<b>150.761.770.000</b>	<b>100%</b>

**11.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	150.761.770.000	150.761.770.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	150.761.770.000	150.761.770.000

**11.4. Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.076.177	15.076.177
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.076.177	15.076.177
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.076.177	15.076.177
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.076.177	15.076.177
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**11.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	905.029.707	905.029.707
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>905.029.707</b>	<b>905.029.707</b>

**12 . Các khoản mục ngoài BCDKT**

	31/12/2020	01/01/2020
Ngoại tệ các loại	58.399,42	87.524,70
- USD	58.399,42	87.524,70

<b>1 . Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	127.213.120.653	102.659.568.337
<b>Cộng</b>	<b>127.213.120.653</b>	<b>102.659.568.337</b>
<i>Trong đó doanh thu với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	16.316.300.199	19.172.612.504
<b>2 . Giá vốn hàng bán</b>	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	110.195.325.908	112.494.782.502
<b>Cộng</b>	<b>110.195.325.908</b>	<b>112.494.782.502</b>
<b>3 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	2.040.150	2.591.929
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.299.079.389	2.010.153.560
<b>Cộng</b>	<b>7.301.119.539</b>	<b>2.012.745.489</b>
<b>4 . Chi phí tài chính</b>	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	13.597.020.595	14.533.633.161
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.215.934.247	1.358.291.340
<b>Cộng</b>	<b>19.812.954.842</b>	<b>15.891.924.501</b>
<b>5 . Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	36.540.375	20.615.670
Chi phí nhân công	2.514.595.337	1.987.765.232
Chi phí khấu hao TSCĐ		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	595.000.617	820.600.276
Chi phí bằng tiền khác	729.023.167	635.519.345
<b>Cộng</b>	<b>3.875.159.496</b>	<b>3.464.500.523</b>
<b>6 . Thu nhập khác</b>	Năm nay VND	Năm trước VND
Bảo hiểm bồi thường	1.019.823.027	
Các khoản thu nhập khác		
<b>Cộng</b>	<b>1.019.823.027</b>	-
<b>7 . Chi phí khác</b>	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí sửa chữa tàu được bảo hiểm bồi thường	1.019.823.027	
Mức miễn thường theo đơn bảo hiểm	69.450.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.089.273.027</b>	-

**8 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	561.349.946	(27.178.893.700)
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
LN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	561.349.946	(27.178.893.700)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.076.177	15.076.177
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>37</b>	<b>(1.803)</b>

**9 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	41.763.457.683	48.278.562.156
Chi phí nhân công	14.662.307.065	13.990.563.912
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.940.752.518	25.897.209.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.450.376.809	19.966.180.950
Chi phí khác bằng tiền	8.253.591.329	7.826.766.525
<b>Cộng</b>	<b>114.070.485.404</b>	<b>115.959.283.025</b>

**VII. Những thông tin khác**

**1 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

**2 . Thông tin về các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Ông Nguyễn Hữu Thành

Ông Đặng Minh Thao

Ông Nguyễn Chiến Thắng

Ông Lê Quang Tuấn

Ông Đỗ Minh Hồng

Ông Nguyễn Quang Minh

Ông Đinh Việt Hải

Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex

Công ty CP Vận tải xăng dầu VIPCO

Công ty TNHH Thuyền viên VIPCO

Công ty TNHH VIPCO Hạ Long

Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex

**Mối quan hệ**

Chủ tịch HĐQT

Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/11/2020)

Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/06/2020)

Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/06/2020)

Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/06/2020)

Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2020)

Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/06/2020)

Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/06/2020)

Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/06/2020)

Chủ sở hữu

Chủ sở hữu

Cùng chủ sở hữu

Cùng chủ sở hữu

Cùng chủ sở hữu

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan*

<b>Bán hàng</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	16.316.300.199	19.172.612.504
<b>Mua hàng</b>	<b>20.687.746.728</b>	<b>32.853.192.497</b>
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex	396.033.000	458.910.160
Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH VIPCO Hạ Long	9.807.019.788	22.066.481.399
Công ty TNHH Thuyền viên VIPCO	10.116.304.933	9.982.003.498
CN Hồng Bàng - CTCP vận tải XD VIPCO	268.389.007	245.797.440
<b>Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Ông Đặng Minh Thao (Thu nhập từ tháng 1 đến hết tháng 11)	490.793.273	424.618.268
Ông Nguyễn Hữu Thành	74.587.200	36.000.000
Ông Nguyễn Chiến Thắng	55.940.400	27.000.000
Ông Đỗ Minh Hồng (Thu nhập 6 tháng cuối năm)	210.028.744	

### **3 . Báo cáo bộ phận**

#### ***Bộ phận theo khu vực địa lý***

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Công ty không có đơn vị trực thuộc tại các địa phương khác, do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận

#### ***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Trong kỳ hoạt động, Công ty chỉ cung cấp dịch vụ vận tải biển. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

### **4 . Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

**5 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.



Trần Thị Nga  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2021



Vũ Thị Mai  
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Hồng  
Giám đốc

**Phụ lục số 01: Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn</b>						
Đồng tài trợ bởi ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng IndoVina -Chi nhánh Đồng Đa (1)	269.187.802.332	269.187.802.332		35.410.897.286	304.598.699.618	304.598.699.618
<b>Cộng</b>	<b>269.187.802.332</b>	<b>269.187.802.332</b>	<b>-</b>	<b>35.410.897.286</b>	<b>304.598.699.618</b>	<b>304.598.699.618</b>

(1) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng Indovina chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 06/2010/VP/HDTDDH ngày 09/09/2010 với tổng hạn mức cho vay là 19.646.4694 USD (trong đó, ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex là 8.506.604 USD và Ngân hàng Indovina là 11.140.000 USD). Thời gian vay tối đa là 120 tháng kể từ lần rút vốn đầu tiên, với lãi suất cho vay theo lãi suất thông báo của Ngân hàng Indovina và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex. Mục đích vay để thanh toán khoản tiền đóng tàu tại Công ty Hồng Hà, các chi phí thiết bị cung cấp cho công ty, đóng tàu và các chi phí khác liên quan đến Dự án. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ con tàu hình thành từ khoản vay do Ngân hàng tài trợ và vốn tự có của Công ty. Thời gian ân hạn là 21 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên đối với tàu số 1 (VP1) và 24 tháng đối với tàu số 2 (VP2), lãi sẽ được tự động nhập gốc. Thời gian thanh toán số dư nợ gốc của các khoản vay là 03 (ba) tháng một lần, bắt đầu từ ngày 26 của tháng thứ 30 kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi vay trả vào ngày 26 hàng tháng.



**Phụ lục số 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2019</b>	<b>150.761.770.000</b>	<b>905.029.707</b>	<b>(52.223.075.096)</b>	<b>99.443.724.611</b>
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(27.413.793.700)	(27.413.793.700)
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lỗi trong kỳ	-	-	(27.178.893.700)	(27.178.893.700)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(234.900.000)	(234.900.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>150.761.770.000</b>	<b>905.029.707</b>	<b>(79.636.868.796)</b>	<b>72.029.930.911</b>
<b>Số dư tại 01/01/2020</b>	<b>150.761.770.000</b>	<b>905.029.707</b>	<b>(79.636.868.796)</b>	<b>72.029.930.911</b>
Tăng trong kỳ	-	-	561.349.946	561.349.946
Lãi trong kỳ	-	-	561.349.946	561.349.946
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(303.055.200)	(303.055.200)
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*)	-	-	(303.055.200)	(303.055.200)
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>150.761.770.000</b>	<b>905.029.707</b>	<b>(79.378.574.050)</b>	<b>72.288.225.657</b>

(\*) Chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 0120/VP-NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2020.

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần vận tải hóa dầu VP được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là :

**Công ty TNHH kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam**

Địa chỉ : Tầng 14 tòa nhà SUDICO, đường Mỹ Đình 1, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại : +84.24 38689566;

Fax : +84.24 38289588;

Website : [kiemtoanava.com.vn](http://kiemtoanava.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP  
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

*Đỗ Minh Hồng*